



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẤP NƯỚC NHÀ BÈ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 0812/CNNB-TCHC

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2021

## **CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG**

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHÀ BÈ

- Mã chứng khoán: NBW

- Địa chỉ: 1179 đường Nguyễn Văn Linh, khu phố 4, phường Tân Phong, quận 7, Tp.HCM

- Điện thoại liên hệ: 19001210

Fax: 028.54122500

- E-mail: [tchccapnuocnhabe@gmail.com](mailto:tchccapnuocnhabe@gmail.com)

2. Nội dung thông tin công bố:

- Nghị quyết số 36/NQ-CNNB-HĐQT ngày 11/3/2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 12/3/2021 tại đường dẫn: [www.capnuocnhabe.vn](http://www.capnuocnhabe.vn).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**\* Tài liệu đính kèm:**

- Nghị quyết số 36/NQ-CNNB-HĐQT ngày 11/3/2021.



**Ly Thành Tài**



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẤP NƯỚC NHÀ BÈ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 36 /NQ-CNNB-HĐQT Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 3 năm 2021

## **NGHỊ QUYẾT**

### **Phiên họp lần thứ 22 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè, nhiệm kỳ 2017 - 2022**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty; Quy chế quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè;

Theo kết luận của Hội đồng quản trị Công ty tại phiên họp thứ 22 nhiệm kỳ 2017 – 2022 vào ngày 10/3/2021, gồm các nội dung sau: <sup>(1)</sup>Báo cáo kết quả sản xuất - kinh doanh - tài chính năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021, <sup>(2)</sup>Trình Kế hoạch sản xuất - kinh doanh - tài chính năm 2021, <sup>(3)</sup>Trình Quỹ tiền lương thực hiện năm 2020,

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHÀ BÈ**

#### **Quyết nghị:**

**Điều 1.** Thông qua kết quả sản xuất - kinh doanh - tài chính năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021 theo Báo cáo số 713/BC-CNNB-KHVTTH ngày 02/3/2021 của Giám đốc Công ty, với kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu sau: sản lượng nước 72.008 ngàn m<sup>3</sup> (97,97% KH), tổng doanh thu 751.382 triệu đồng (99,67% KH), lợi nhuận trước thuế 20.799 triệu đồng (111,79% KH) [*Phụ đính 1: Kết quả sản xuất - kinh doanh - tài chính năm 2020*].

**Điều 2.** Thông qua Kế hoạch sản xuất - kinh doanh - tài chính năm 2021 theo Tờ trình số 712/TTr-CNNB-KHVTTH ngày 02/3/2020 của Giám đốc Công ty, với các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu sau: sản lượng nước 73.600 ngàn m<sup>3</sup> (tăng 2,21% so với thực hiện năm 2020), tổng doanh thu 797.964 triệu đồng (tăng 6,2% so với



1/1  
*[Handwritten signature]*



TH 2020), lợi nhuận trước thuế 22.003 triệu đồng (tăng 5,79% so với TH 2020)  
[Phụ đính 2: Kế hoạch sản xuất - kinh doanh - tài chính năm 2021].

Giám đốc Công ty có trách nhiệm tổ chức triển khai và báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất - kinh doanh - tài chính năm 2021 nêu tại Nghị quyết này và Nghị quyết số 33/NQ-CNNB-HĐQT ngày 02/11/2020 của Hội đồng quản trị Công ty theo quy định.

Hội đồng quản trị Công ty sẽ xem xét đề nghị Quỹ tiền lương thực hiện năm 2020 tại phiên họp khác.

**Nơi nhận:**

- UBCK Nhà nước;
- Sở GD&ĐT Hà Nội;
- TV. HĐQT Công ty;
- BKS Công ty;
- BGĐ Công ty;
- Tổ GV. HĐQT;
- Lưu (CV. HĐQT).

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn An**



**Phụ đính 1: KẾT QUẢ SẢN XUẤT - KINH DOANH - TÀI CHÍNH NĂM 2020**  
(Đính kèm Nghị quyết số 36 /NQ-CNNB-HĐQT ngày 11 /3/2021)

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	TH/KH
A	B	1	2	3=2/1
<b>A. SẢN XUẤT-KINH DOANH:</b>				
1. Sản lượng nước tiêu thụ	1.000m <sup>3</sup>	73.500	72.008	97,97%
2. Gắn mới đồng hồ nước	Cái	3.000	3.597	119,90%
3. Thay đồng hồ nước cỡ nhỏ	Cái	24.000	24.170	100,71%
4. Thay đồng hồ nước cỡ lớn	Cái	153	55	35,95%
5. Tỷ lệ thất thoát nước	%	14,50	13,12	-1,38%
<b>B. ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MUA SẮM:</b>				
1. Phát triển mạng lưới	triệu đồng	9.064	2.877	31,74%
2. Sửa chữa ống mục	triệu đồng	25.340	16.126	63,64%
3. Hàm đồng hồ tổng	triệu đồng	2.692	754	28,01%
<b>C. MUA SẮM VẬT TƯ, THIẾT BỊ:</b>				
1. Mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác giám sát thất thoát nước năm 2020	triệu đồng	6.200	3.998	64,48%
2. Mua sắm thiết bị công nghệ thông tin	triệu đồng	3.700	1.096	29,61%
3. Trang bị phương tiện phục vụ nhu cầu quản lý mạng lưới và phục vụ công tác cho công ty	triệu đồng	1.200	995	82,92%
4. Bảo trì, bảo dưỡng thay mới thiết bị phục vụ sản xuất nước đóng chai SawaNew	triệu đồng	800	789	98,58%
5. Sửa chữa, nâng cấp phòng làm việc, nhà vệ sinh công trình nội bộ Công ty	triệu đồng	3.000	1.643	54,76%
<b>D. TÀI CHÍNH:</b>				
1. Tổng doanh thu	triệu đồng	753.845	751.382	99,67%
2. Tổng chi phí	triệu đồng	735.239	730.583	99,37%
3. Lợi nhuận trước thuế	triệu đồng	18.606	20.799	111,79%







**Phụ đính 2: KẾ HOẠCH SẢN XUẤT - KINH DOANH - TÀI CHÍNH NĂM 2021**  
(Đính kèm Nghị quyết số 36 /NQ-CNNB-HĐQT ngày 11/3/2021)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	+/- KH so với TH (%)
<b>A. SẢN XUẤT - KINH DOANH</b>				
1. Sản lượng nước tiêu thụ	ngàn m <sup>3</sup>	72.008	73.600	2,21
2. Doanh thu tiền nước	triệu đồng	737.411	792.464	7,47
3. Gắn mới đồng hồ nước cỡ nhỏ	cái	3.597	2.000	-44,40
4. Gắn mới đồng hồ nước cỡ lớn	cái	-	03	
5. Thay đồng hồ nước cỡ nhỏ	cái	24.170	26.600	10,05
6. Thay đồng hồ nước cỡ lớn	cái	55	50	-9,09
7. Tỷ lệ thất thoát nước	%	13,12	14,00	Duy trì
8. Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch	%	100,00	100,00	Duy trì
<b>B. MUA SẴM VẬT TƯ THIẾT BỊ TÀI SẢN KHÁC</b>				
1. Mua sắm trang thiết bị phục vụ cho công tác giảm thất thoát nước năm 2021	triệu đồng	3.998	3.490	-12,71
2. Mua sắm thiết bị công nghệ thông tin năm 2021	triệu đồng	1.096	4.165	280,02
- Hệ thống phần mềm	triệu đồng		1.292	
- Mua sắm trang thiết bị	triệu đồng		2.873	
3. Sửa chữa, nâng cấp các phòng làm việc, nhà vệ sinh công trình nội bộ Công ty	triệu đồng	1.643	3.000	82,59
<b>C. TÀI CHÍNH</b>				
1. Tổng doanh thu	triệu đồng	751.382	797.964	6,20
2. Tổng chi phí	triệu đồng	730.583	775.961	6,21
3. Lợi nhuận trước thuế	triệu đồng	20.799	22.003	5,79

Ghi chú: Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2021 và các danh mục công trình kèm theo đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 33/NQ-CNNB-HĐQT ngày 02 tháng 11 năm 2020 của Hội đồng quản trị Công ty.